TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 942/2023/QĐST-HNGĐ	*Tân Bình, ngày 28 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 756/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Trần Quốc B, sinh năm 1973; địa chỉ: Đường X, Phường B, quận Tân Bình, Tp. HCM.

2. Bà Trần Nguyễn Phượng V, snh năm 1979; địa chỉ: Đường C, Phường H, quận T, Tp. HCM.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 133/2010 ngày 06/12/2010 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh cấp thì bà Trần Nguyễn Phương V và ông Trần Quốc B là vợ chồng hợp pháp. Ông B có nơi cư trú tại quận Tân Bình, do đó cả hai nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông B tự nguyện kết hôn năm 2010 và chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp trong quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm đến nhau. Bà V và ông B xác định vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được thuận tình ly hôn là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc Thiên A, sinh ngày 03/10/2011 và Trần Ngọc An T, sinh ngày 24/6/2015, các bên thỏa thuận giao cả 02 trẻ cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, ông B cấp dưỡng mỗi trẻ 2.000.000đ (Hai triệu đồng) mỗi tháng cho đến tuổi thành niên. Thỏa thuận này phù hợp với quy định pháp luật, có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự khai không có.

[2.4] Về nợ chung: Đương sự khai không có.

[3] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* do Bà V và ông B phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Trần Nguyễn Phương V và ông ông Trần Quốc B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc Thiên A, sinh ngày 03/10/2011 và Trần Ngọc An T, sinh ngày 24/6/2015;

+ Ông B có trách nhiệm giao 02 trẻ Ân và Tâm cho Bà V trực tiếp nuôi dưỡng,

+ Ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho 01 trẻ 2.000.000đ (Hai triệu đồng) mỗi tháng cho đến tuổi thành niên.

+ Bà V có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho ông B đến thăm con chung.

+ Vì lợi ích của con chưa thành niên việc nuôi con và cấp dưỡng cho con có thể thay đổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* Bà V và ông B phải chịu, được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0023554 ngày 05/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình. Đương sự đã nộp đủ.

Thi hành tại Chị cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Tân Bình;
- Chi cục THADS Q. Tân Bình;
- UBND P. 3, Q. TB (GKH số 133 ngày 06/12/2010);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;

(Đã ký)

Võ Phước Lý